

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/KDTM-ST
Ngày: 17/11/2020.
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Diễn;
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/2020/TLST-KDTM, ngày 01/4/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-KDTM, ngày 19/10/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CL;

Địa chỉ: Số 37 T, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, sinh năm 1956, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T, chức vụ: Phó phòng Thu hồi công nợ. Theo Giấy ủy quyền số 137.2019/GUQ-COL ngày 10/12/2019. Vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH P;

Địa chỉ: Khu phố M, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh A, sinh năm 1989, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu phố M, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2. Bà Võ N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Chung cư C1, khu phố N, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Vắng

mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CL do ông T đại diện trình bày:

Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế CL (sau đây gọi tắt là Công ty CL) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Ngày 08/3/2019, Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) và Công ty CL đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C190206504 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thuê). Theo đó, Công ty P bán và thuê lại tài chính đối với các tài sản là 02 xe ô tô tải (tự đồ), hiệu Hyundai và 01 máy đào bánh xích, hiệu Kobelco SK330 (sau đây gọi tắt là tài sản thuê).

Ngày 08/3/2019, bà Huỳnh A và bà Võ N đã ký Thư bảo lãnh cá nhân, theo đó, trường hợp Công ty P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, thì bà An và bà Nhung sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền thuê thay cho Công ty P đối với Công ty CL.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, cùng ngày 08/3/2019, Công ty CL đã ký Hợp đồng mua bán tài sản số C190206504-PC với Công ty P để mua tài sản thuê nêu trên với giá là 5.050.000.000 đồng, sau đó cho Công ty P thuê lại các tài sản này. Đây là hình thức mua và cho thuê lại phù hợp theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Ngày 15/3/2019, Công ty P đã ký văn bản nghiệm thu tài sản.

Tổng giá trị của tài sản thuê là 5.050.000.000 đồng. Trong đó, Công ty P trả trước 1.262.500.000 đồng (tiền trả trước), Công ty CL tài trợ vốn là 3.787.500.000 đồng (giá trị thuê).

Hàng tháng, Công ty P phải thanh toán cho Công ty CL tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty CL đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty P trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty CL vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty CL đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty P bồi thường thiệt hại (nếu có).

Thời hạn thuê là 48 tháng, kể từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 3 năm 2023. Hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 15/3/2019. Lãi suất thuê theo Hợp đồng thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty CL cộng với biên độ là cộng (+) 2.1%/năm. Theo đó, mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là $7.23\% + 2.1\% = 9.33\%/năm$.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thanh toán cho Công ty CL số tiền là 470.520.342 đồng, trong đó tiền gốc là 315.996.497 đồng, tiền lãi đến ngày 01/10/2019 là 154.523.845 đồng sau đó không thanh toán nữa.

Do Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26

của Hợp đồng thuê, vào ngày 01/11/2019, Công ty CL đã phát hành thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, yêu cầu Công ty P thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 09/11/2019 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 4.187.941.605 đồng. Tuy nhiên, Công ty P vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê nào.

Do Công ty P không thanh toán như yêu cầu, ngày 09/11/2019, Công ty CL đã có văn bản gửi cho bên bảo lãnh là bà Huỳnh Avà bà Võ N để yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê thay cho Công ty P. Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trong thông báo, bên bảo lãnh vẫn không thanh toán cho Công ty CL số tiền mà Công ty P còn nợ.

Vì vậy, Công ty CL khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty P thanh toán số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 17/11/2020 là 4.430.715.107 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 3.471.503.503 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 09/11/2019 là 716.438.102 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 09/11/2019 đến ngày Tòa án xét xử 17/11/2020 là: 242.773.502 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 18/11/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn như thỏa thuận trong Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty P không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty CL, buộc bà Huỳnh Thị Tường An, bà Võ N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty CL số tiền mà Công ty P còn nợ Công ty CL.

Ngoài ra nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH P do bà Huỳnh A đại diện, đồng thời bà An là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Bà là Giám đốc Công ty TNHH P và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 08/3/2019, Công ty P và Công ty CL có ký hợp đồng số C190206504 để vay vốn mua xe với giá trị giải ngân là 3.787.500.000đ, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng và các nội dung đã ký kết bà không tranh chấp.

Cùng ngày 08/3/2019, bà ký Thư bảo lãnh cá nhân bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền như trên, về nội dung này bà cũng không tranh chấp.

Trong quá trình làm ăn gặp khó khăn nên không thanh toán cho Công ty CL theo hợp đồng đã ký được.

Nay Công ty P đồng ý thanh toán đến ngày 18/6/2020 là 4.320.106.712đ. Trường hợp Công ty P không thực hiện được thì bà và bà Nhung sẽ thanh toán với tư cách là người bảo lãnh.

Tuy nhiên hiện nay Công ty P đang gặp khó khăn đề nghị được thanh toán sau 06 tháng, Công ty P sẽ thu hồi và mang xe về giao cho Công ty CL.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ N trình bày:

Ngày 08/3/2020 bà có ký Thư bảo lãnh cá nhân nội dung đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền là 3.787.500.000đ bảo lãnh cho Công ty P đối với

Công ty CL. Chữ ký và chữ viết bên dưới phần bên bảo lãnh là chữ viết và chữ ký của bà. Các nội dung trong thư bảo lãnh bà thống nhất không có ý kiến. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty CL bà không có ý kiến gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CL. Về án phí Công ty P phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty CL khởi kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính; bị đơn Công ty P có địa chỉ tại số 11A8, khu phố 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ban đầu, Tòa án xác định đây là vụ án về “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty CL khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền thuê tài chính phát sinh từ Hợp đồng cho thuê tài chính số C190206504 ký kết giữa các bên có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, hợp đồng có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Như vậy, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty CL, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Avà bà Võ N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án tiếp nhận tập hồ sơ gồm bản sao thẻ luật sư Trần Văn Duẩn và Giấy giới thiệu luật sư tham gia tố tụng. Tuy nhiên, do luật sư không xuất trình được đơn yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên ngày 14/10/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 01/2020/TB-TA về việc từ chối đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Thông báo này được Tòa án gửi báo phát cho luật sư, luật sư không có ý kiến khiếu nại thắc mắc gì.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 08/3/2019, Công ty P và Công ty

CL đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C190206504, theo đó, Công ty P bán và thuê lại tài chính đối với các tài sản là: 02 xe ô tô tải (tự đổ), hiệu: Hyundai và 01 máy đào bánh xích, hiệu Kobelco SK330. Cùng ngày 08/3/2020, Công ty CL ký Hợp đồng mua bán tài sản số C190206504-PC với Công ty TNHH P để mua tài sản thuê nêu trên với giá là 5.050.000.000 đồng, sau đó cho Công ty P thuê lại các tài sản này.

Tổng giá trị của tài sản thuê là 5.050.000.000 đồng. Trong đó, Công ty P trả trước 1.262.500.000 đồng, Công ty CL tài trợ vốn là 3.787.500.000 đồng.

Theo thỏa thuận giữa các bên thì hàng tháng, Công ty P phải thanh toán cho Công ty CL tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty CL đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thanh toán cho Công ty CL số tiền là 470.520.342 đồng, trong đó tiền gốc là 315.996.497 đồng, tiền lãi đến ngày 01/10/2019 là 154.523.845 đồng, sau đó do gặp khó khăn trong việc kinh doanh nên Công ty P không thanh toán cho Công ty CL được nữa.

Nay Công ty CL yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử 17/11/2020 là 4.430.715.107 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 3.471.503.503 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 09/11/2019 là 716.438.102 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 09/11/2019 đến ngày Tòa án xét xử 17/11/2020 là: 242.773.502 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 18/11/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn như thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số C190206504 ngày 08/3/2019 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp Công ty P không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty CL, thì buộc bà An và bà Nhung có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty CL số tiền mà Công ty P còn nợ Công ty CL. Đối với yêu cầu khởi kiện trên thì Công ty P đồng ý thanh toán.

Căn cứ quy định tại các Điều 90, 91, 95, 112 và Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Nghị định 09 ngày 22/02/2019 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CL đối với Công ty P.

Về nghĩa vụ bảo lãnh: Ngày 08/3/2019, bà Huỳnh A và bà Võ N đã ký Thư bảo lãnh cá nhân. Theo đó, trường hợp Công ty P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, thì bà An và bà Nhung sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền thuê thay cho Công ty P đối với Công ty CL. Như vậy, việc bà An và bà Nhung ký thư bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp quy định pháp luật, do đó căn cứ theo quy định tại Điều 335, 336, 338, Điều 342 Bộ luật dân sự 2015, nếu trường hợp Công ty P không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty CL thì bà An và bà Nhung phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty CL số tiền còn nợ theo nội dung thư bảo lãnh đã ký. Vì vậy, Công ty CL yêu cầu Bà An và bà Nhung phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư bảo lãnh đã ký là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 112.430.715đ.

Hoàn trả cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế CL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.102.000đ (năm mươi sáu triệu một trăm lẻ hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0008962 ngày 27/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty CL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.102.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008962 ngày 27/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ theo quy định tại Điều 335, 336, 338 và Điều 342 Bộ luật dân sự 2015;

-Căn cứ khoản 4 Điều 112 và Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng;

-Căn cứ Điều 13 Nghị định 09 ngày 22/02/2019 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

-Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế CL về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài chính” với Công ty TNHH P.

Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế CL số tiền thuê tính đến ngày 17/11/2020 là 4.430.715.107 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 3.471.503.503 đồng; nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 09/11/2019 là 716.438.102 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 09/11/2019 đến ngày Tòa án xét xử 17/11/2020 là: 242.773.502 đồng và tiền lãi phát từ ngày 18/11/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế CL, buộc bà Huỳnh Avà bà Võ N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế CL số tiền còn nợ theo nội dung thư bảo lãnh đã ký.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 112.430.715đ (một trăm mười hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế CL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.102.000đ (năm mươi sáu triệu một trăm lẻ hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0008962 ngày 27/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế CL, Công ty TNHH P, bà Huỳnh Ava và bà Võ N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được